

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện phương hướng hoạt động
Khoa học Công nghệ và Hợp tác phát triển năm học 2026-2027

Căn cứ Thông báo số 935/TB-ĐHTĐHN ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về phương hướng triển khai các hoạt động thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027, Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phương hướng hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác phát triển năm học 2026 -2027 như sau:

1. Mục đích

Huy động nguồn lực, nâng cao năng lực và đổi mới sáng tạo trong hoạt động khoa học công nghệ, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường đến 2030 và tầm nhìn đến 2045; thúc đẩy hợp tác quốc tế, liên kết trong nước và chuyển đổi số để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và tạo ra giá trị thực tiễn, góp phần phát triển bền vững Nhà trường và cộng đồng xã hội.

2. Yêu cầu

- Thực hiện các hoạt động nghiên cứu theo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, phù hợp với chiến lược phát triển khoa học công nghệ, chú trọng nghiên cứu các sản phẩm có tính ứng dụng cao, có khả năng đăng ký sở hữu trí tuệ và công bố quốc tế. Tăng 5-10% sản phẩm khoa học công nghệ so với năm học trước.

- Triển khai các hoạt động bám sát định hướng hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 theo Công văn số 4194/BKH-CN-KHTC ngày 16/6/2026 của Bộ KH-CN (Phụ lục I).

- Phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên có năng lực, thúc đẩy sáng kiến, đề tài, dự án đổi mới sáng tạo, hình thành nhóm nghiên cứu trọng điểm và nâng cao năng lực tài chính, tự chủ trong hoạt động KH&CN.

- Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, nâng cao chất lượng công bố khoa học và phát triển các hoạt động KH&CN tự chủ, sáng tạo.

- Mở rộng và đa dạng hóa hợp tác quốc tế, trong nước, khuyến khích các hoạt động liên kết, khởi nghiệp, đồng thời đổi mới cơ chế phối hợp, phân cấp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác và phát triển.

3. Nội dung thực hiện

3.1. Hoạt động khoa học công nghệ

3.1.1. Triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị, đồng thời phù hợp với sứ mệnh và chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến

2045 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Thủ đô Hà Nội nhiệm kỳ 2025-2026

Xác định một số chỉ tiêu về hoạt động khoa học công nghệ của Trường năm học 2026-2027 như sau:

- a) Xây dựng phát triển các nhóm nghiên cứu
 - Hình thành 02 nhóm nghiên cứu trọng điểm/xuất sắc
 - Phát triển từ 03 nhóm nghiên cứu trọng điểm đến thành lập 01 nhóm nghiên cứu tiềm năng.
- b) Tỷ trọng thu về khoa học công nghệ: tối thiểu đạt 5%
- c) Công bố khoa học của giảng viên và người học
 - Tỷ lệ giảng viên có công bố quốc tế trong danh mục WoS/SCOPUS đạt 0.3
 - Tỷ lệ giảng viên có công bố trong nước được các HĐCDGSNN công nhận đạt 1.8-2.0
 - Có tối thiểu 4% sinh viên/ngành và 10% học viên/ngành có công bố khoa học các cấp;
- d) Nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp
 - Đề tài cấp Bộ/thành phố và tương đương: 1-3 đề tài. Ưu tiên các đề tài thực hiện 30 nhiệm vụ trọng điểm của Thành phố Hà Nội.
 - Đề tài cấp cơ sở: 40-50 đề tài
 - Đề tài NCKH của sinh viên: 5-10 đề tài
 - Biên soạn 30-50 giáo trình tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo
 - Sáng kiến kinh nghiệm cấp Trường: 35-40 trong đó có 3-5 SKKN cấp Thành phố.
- đ) Tài sản trí tuệ: có 3-5 giấy chứng nhận đăng ký tài sản trí tuệ (nhãn hiệu/quyền tác giả), khuyến khích cán bộ giảng viên, sinh viên thực hiện phát minh, sáng chế, đề xuất các giải pháp hữu hiệu.
- e) Hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học
 - Hội thảo khoa học quốc tế: 1-2 Hội thảo
 - Hội thảo khoa học quốc gia: 2-5 Hội thảo
 - Hội thảo/Hội nghị, diễn đàn, tọa đàm khoa học cấp Trường: 30 – 35 hoạt động

Khuyến khích hội thảo liên kết với các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu... tổ chức. Khuyến khích hội thảo xuất bản Kỷ yếu chỉ số ISBN hoặc liên kết với Tạp chí khoa học xuất bản.
- g) Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học:
 - Tổ chức hoạt động sáng tạo khởi nghiệp, sinh viên nghiên cứu khoa học
 - Tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học cho sinh viên

- Phát triển câu lạc bộ đổi mới sáng tạo.

h) Chuyển đổi số trong hoạt động KHCN-ĐMST

- Xây dựng phân hệ QLKHCN-ĐMST trên đại học số

- Thực hiện 80% các thủ tục hành chính KHCN cấp trường trên nền tảng số (quản lý văn bản).

3.1.2. Nâng cao chất lượng và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học (NCKH) cho cán bộ, giảng viên và học viên, sinh viên; Có cơ chế chính sách nhằm gia tăng số lượng công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế, đặc biệt là các tạp chí trong danh mục WoS/Scopus; Ưu tiên các đề tài, dự án có sản phẩm công bố quốc tế, có hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm ứng dụng gắn với đào tạo, chuyển giao công nghệ và các sản phẩm KH&CN được đăng ký sở hữu trí tuệ. Khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia sáng kiến kinh nghiệm cấp Thành phố.

- Xây dựng cơ chế chính sách nhằm gia tăng số lượng công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế và trong nước, đặc biệt là các tạp chí trong danh mục WoS/Scopus;

+ Mỗi PGS, GS có ít nhất 1 công bố tại các tạp chí trong danh mục WoS/Scopus; Tỷ lệ công bố quốc tế tại các tạp chí trong danh mục WoS/Scopus đạt tối thiểu 0.3.

+ Mỗi Tiến sĩ đứng chính ít nhất 01 bài thuộc danh mục Tạp chí được HĐ CDGSNN tính 1.0 điểm.

+ Mỗi giảng viên đứng chính ít nhất 1 bài thuộc danh mục Tạp chí được HĐ CDGSNN tính điểm

+ Bên cạnh khen thưởng theo số lượng công bố quốc tế, xây dựng cơ chế khen thưởng theo chỉ số trích dẫn (Citation Index) và chỉ số H-index.

- Giao chỉ tiêu cụ thể số lượng công bố khoa học trong năm học 2026-2027 đối với các khoa đào tạo cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Công bố quốc tế		Công bố trong nước		Đăng kí sở hữu trí tuệ	Nhóm nghiên cứu	Công bố KH của SV tại HT, HN các cấp
		WoS/Scopus (0.3)	CBQT khác (0.35)	Bài 1.0 (0.4)	Bài có chỉ số khác (0.55)			
1	Khoa Sư phạm	30	30	30	30	<1	02	4% SV/ngành
2	Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn	20	20	20	20	<1	01	4% SV/ngành
3	Khoa Toán - CNTT	5	7	8	10	<1	01	4% SV/ngành
4	Viện Hà Nội học và ĐTQT	6	8	10	15	<1	01	4% SV/ngành

5	Khoa Kinh tế - Du lịch	6	4	8	10	<1	01	4% SV/ngành
6	Khoa Ngoại ngữ	5	5	5	5			4% SV/ngành
7	Khoa GDTC và QPAN	3	3	5	20			4% SV/ngành
8	Khoa Kỹ thuật & Môi trường	5	7	8	15	<1	01	4% SV/ngành
9	Khoa Quản lý - Đô thị	3	5	6	10	<1		4% SV/ngành
10	Phòng Sau ĐH	2	2	1	4			100% NCS, 50% HV cao học nghiên cứu, 10% HV cao học ứng dụng
11	CBGV khối phòng ban	5	15	20	25	<1		
	Tổng số	90	106	121	169	8	07	

3.1.3. Đầu tư phát triển nhân lực KHCN chất lượng cao; Tìm kiếm và phát triển nguồn lực đầu tư cho KHCN, định hướng nghiên cứu gắn với ngành đào tạo mũi nhọn theo xu hướng phát triển công nghệ và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường, Thủ đô và đất nước. Định hướng xác định và phát triển các hướng nghiên cứu theo ngành/lĩnh vực.

- Tìm kiếm và phát triển nguồn lực đầu tư cho KHCN, định hướng nghiên cứu gắn với ngành đào tạo mũi nhọn theo xu hướng phát triển công nghệ và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường, Thủ đô và đất nước.

+ Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế, tìm kiếm nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ.

+ Tăng cường các dự án hợp tác giữa nhà trường và các doanh nghiệp có khả năng khai thác thương mại hóa sản phẩm.

- Định hướng xác định và phát triển các hướng nghiên cứu theo ngành/lĩnh vực. Mỗi đơn vị đào tạo cần xác định hướng nghiên cứu đối với các ngành/ lĩnh vực của khoa, phát triển hướng nghiên cứu đối với mỗi giảng viên. Xây dựng thương hiệu từ thế mạnh hướng nghiên cứu gắn với chuyên ngành đào tạo.

+ Làm việc với các đơn vị đào tạo, xác định hướng nghiên cứu của từng giảng viên theo định hướng nghiên cứu của đơn vị.

+ Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cho giảng viên theo định hướng đã xác định thông qua các hội thảo, hội nghị, đề tài... hướng tới thành lập nhóm nghiên cứu trọng điểm, nhóm nghiên cứu mạnh.

- Hình thành và phát triển 2 đến 3 nhóm nghiên cứu trọng điểm thuộc các lĩnh vực Khoa học xã hội nhân văn, Kinh tế, Công nghệ...

+ Giao cho khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, khoa Kinh tế - Du lịch, khoa Toán và Công nghệ thông tin nghiên cứu đề xuất tổ chức nhóm nghiên cứu trọng điểm.

+ Mời chuyên gia tư vấn, định hướng phát triển cho các nhóm nghiên cứu trọng điểm.

3.1.4. Tăng cường tiềm lực tài chính, đảm bảo đủ nguồn kinh phí cho hoạt động KH&CN theo quy định, đồng thời gia tăng nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục đại học. Đăng ký các đề án, dự án thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, xây dựng và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong Đề án phát triển Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

- Đảm bảo nguồn lực tài chính cho hoạt động KH&CN theo qui định tại Nghị định số 125/2026/NĐ-CP. Bố trí tối thiểu 5% nguồn thu học phí cho hoạt động KHCN. Phân bổ kinh phí đối với hoạt động nghiên cứu khoa học cho CBGV và người học đảm bảo các tỉ lệ theo qui định.

- Xây dựng các đề án, dự án theo đề xuất với Thành phố thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị Quyết 71-NQ/TW, Nghị quyết 80-NQ/TW; xây dựng và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong Đề án phát triển Trường ĐH Thủ đô Hà Nội

3.1.5. Đẩy mạnh hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo, tăng cường năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị. Hình thành các đề tài, dự án khoa học dưới dạng ươm tạo công nghệ, dành cho cán bộ trẻ, sinh viên, học viên của Nhà trường. Hình thành Câu lạc bộ đổi mới sáng tạo.

- Nâng cao chất lượng hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nhà trường thông qua việc giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong tổ chức hoạt động khoa học công nghệ đối với cán bộ giảng viên và người học. Đặc biệt khuyến khích liên kết với đối tác, doanh nghiệp trong tổ chức các hoạt động, đẩy mạnh truyền thông xã hội về hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo của các đơn vị.

- Hình thành 01-02 đề tài, dự án khoa học dưới dạng ươm tạo công nghệ, dành cho cán bộ trẻ, sinh viên, học viên của Nhà trường. Khuyến khích đề tài dự án đăng ký sở hữu trí tuệ.

- Giao cho Đoàn Thanh niên chủ trì tham mưu thành lập và vận hành Câu lạc bộ đổi mới sáng tạo HNMTU.

3.1.6. Triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp, tập trung nguồn lực thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động của Nhà trường. Khai thác có hiệu quả trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ của Trường. Triển khai tập chí khoa học trực tuyến, nâng cao chất lượng công bố khoa học nhằm đạt mục tiêu có 1 ngành được nâng điểm và bổ sung 5 ngành được tính điểm.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất hạ tầng số, cải tiến hoàn thiện phần mềm quản trị đại học, đẩy mạnh số hóa tài liệu học thuật và đào tạo trực tuyến.

- Khai thác có hiệu quả trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ của Trường. Khuyến khích thực hiện các đề tài về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, học máy...

- Triển khai hoạt động của tạp chí khoa học trực tuyến, nâng cao chất lượng công bố khoa học nhằm đạt mục tiêu có 2 ngành được nâng điểm và bổ sung 1 ngành được tính điểm. Xây dựng kế hoạch và có lộ trình cụ thể đối với các mục tiêu phát triển Tạp chí khoa học.

3.2. Hoạt động hợp tác phát triển

3.2.1. Chỉ tiêu hợp tác phát triển

- Kí kết hợp tác với 1-2 đối tác nước ngoài; 10-20 đối tác trong nước
- Triển khai thực hiện 1-2 dự án hợp tác nước ngoài; 5-10 hoạt động hợp tác trong nước.
- Triển khai chương trình đào tạo liên kết quốc tế.
- Thực hiện 02-03 đợt trao đổi sinh viên trong và ngoài nước
- Tổ chức ít nhất 1 đoàn ra quốc tế và 5-10 đoàn ra trong nước.

3.2.2. Giải pháp thực hiện

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các trường đại học và đối tác nước ngoài. Tăng cường trao đổi giảng viên, sinh viên với các đối tác trong và ngoài nước
- Quy hoạch phát triển mạng lưới hợp tác trong nước phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường. Đẩy mạnh hợp tác với sở, ban hành và chính quyền các địa phương.
- Đổi mới cơ chế HTPT theo hướng chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm; có chính sách khuyến khích các đơn vị, cá nhân tích cực tham gia mở rộng mạng lưới HTPT của Nhà trường. Phân cấp hoạt động HTPT cho các đơn vị theo hướng đưa hoạt động hợp tác phát triển đi vào thực chất, có hiệu quả.
- Gắn kết các đối tác liên kết với hoạt động khởi nghiệp sáng tạo của Nhà trường. Tăng cường tiềm lực tài chính, đảm bảo đủ nguồn kinh phí cho hoạt động HTPT theo quy định.

4. Lịch trình hoạt động

Thời gian	Nội dung
Tháng 7/2026	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Ban hành KH thực hiện Phương hướng hoạt động KHCN và HTPT năm học 2026-2027. Giao chỉ tiêu KPI KHCN cho các đơn vị. - Triển khai đăng ký Kế hoạch KHCN của các đơn vị năm học 2026-2027. - Triển khai HTKH dành cho cán bộ trẻ * Hoạt động hợp tác phát triển - Triển khai đề xuất kế hoạch đoàn ra năm 2027 từ các đơn vị

	- Tổ chức kí kết hợp tác theo kế hoạch - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác
Tháng 8/2026	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Khen thưởng công trình KHCN năm học 2025-2026. - Xây dựng kế hoạch KHCN năm học 2026-2027 - Tập huấn các quy định mới về lĩnh vực KHCN - Phê duyệt nhóm NC trọng điểm đợt 1. Xét Nhóm nghiên cứu trọng điểm đợt 2 - Kiểm tra tiến độ Giáo trình biên soạn năm 2026, Đề tài KHCN đợt 1 năm 2026; Phối hợp xây dựng kế hoạch xuất bản giáo trình năm 2027. - Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ KHCN, SKKN - Tập huấn triển khai sáng kiến kinh nghiệm năm học 2025-2026. - Chuẩn bị tổ chức HTQG AI4edu - Tổ chức các hội thảo hội nghị khác theo kế hoạch * Hoạt động hợp tác phát triển - Xây dựng kế hoạch hợp tác phát triển năm học 2026 – 2027 - Ban hành Quy chế hợp tác phát triển - Tổ chức kí kết hợp tác theo kế hoạch - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác
Tháng 9/2026	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Tổng hợp Chỉ số khoa học công nghệ năm 2026. - Phân bổ nguồn lực cho KHCN, HTPT năm 2026 - Phê duyệt hồ sơ các nhóm nghiên cứu theo đề xuất - Tuyển chọn đề tài, nhiệm vụ KHCN đợt 1 năm 2027 - Xét và phê duyệt danh mục đăng ký SKKN năm học 2026-2027 - Triển khai hoạt động sinh viên NCKH và STKN 2026-2027 - Tổ chức HTQG AI4Edu 2026 - Tổ chức hội thảo khoa học cán bộ trẻ lần 9 - Tổ chức các HN,HT và sự kiện khoa học khác * Hoạt động hợp tác phát triển - Ban hành Quy chế hợp tác phát triển - Tổ chức kí kết hợp tác theo kế hoạch - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác
Tháng 10/2026	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Kiểm tra tiến độ đề tài, nhiệm vụ KHCN 2026. - Tổ chức Tập huấn SVNCKH và Sáng tạo khởi nghiệp năm học 2026-2027. - Tổ chức HTQT ICCE 2026 tại Huế. - Tổ chức Tọa đàm hoạt động Nữ trí thức (20/10) - Tổ chức tập huấn về phương pháp nghiên cứu định lượng và các công cụ phân tích.

	- Tổ chức các hội thảo hội nghị theo kế hoạch * Hoạt động hợp tác phát triển - Tổ chức kí kết hợp tác theo kế hoạch - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác
Tháng 11/2026	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Tổ chức HTQT Diễn đàn văn hoá và giáo dục mùa thu lần thứ ba AFCE 2026 (9/11/2026) - Triển khai hoạt động SVNCKH và Sáng tạo khởi nghiệp năm học 2026-2027 cấp đơn vị - Tổ chức nghiệm thu giáo trình, tài liệu tham khảo, đề tài, nhiệm vụ KHCN - Tổ chức các hội thảo hội nghị theo kế hoạch * Hoạt động hợp tác phát triển - Tổ chức kí kết hợp tác quốc tế trong khuôn khổ hội thảo AFCE 2026 (8/11/2026). - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác
Tháng 12/2026	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Tổ chức Hội thảo quốc gia “Văn học và cuộc sống đương đại” - Tổ chức Hội thảo khoa học dành cho NCS và cao học viên - Tổ chức nghiệm thu giáo trình, tài liệu tham khảo, đề tài, nhiệm vụ KHCN - Đăng ký sở hữu trí tuệ/ quyền tác giả với các sản phẩm KHCN đủ điều kiện - Tổ chức các hội thảo hội nghị theo kế hoạch - Nghiệm thu sản phẩm các nhóm nghiên cứu trọng điểm năm 2026 * Hoạt động hợp tác phát triển - Tổ chức kí kết hợp tác theo kế hoạch - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác
Tháng 1/2027	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Phê duyệt KHCN và HTPT 2027 - Triển khai đăng ký biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo đợt 1/2027 - Nộp hồ sơ SKKN TP đợt 1/2027 - Triển khai đề xuất đề tài KHCN đợt 2/2027 - Rà soát hoạt động thanh quyết toán KHCN - Tổ chức các hội thảo hội nghị theo kế hoạch * Hoạt động hợp tác phát triển - Tổ chức kí kết hợp tác theo kế hoạch - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác
Tháng 2/2027	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Giao nhiệm vụ biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo đợt 1/2027

	- Tuyển chọn đề tài KHCN đợt 1/2027 - Tổ chức các hội thảo hội nghị theo kế hoạch * Hoạt động hợp tác phát triển - Tổ chức kí kết hợp tác theo kế hoạch - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác
Tháng 3/2027	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Đề xuất nhiệm vụ KHCN cấp Thành phố - Tổ chức Sơ khảo SVNCKH và STKN - Tổ chức Ngày hội việc làm và Ký kết hợp tác - Tổ chức các hội thảo hội nghị theo kế hoạch * Hoạt động hợp tác phát triển - Tổ chức kí kết hợp tác theo kế hoạch - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác
Tháng 4/2027	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Toạ đàm SVNCKH và STKN - Ký kết hợp tác theo kế hoạch - Triển khai đoàn ra/đoàn vào theo kế hoạch - Tổ chức các hội thảo hội nghị theo kế hoạch * Hoạt động hợp tác phát triển - Tổ chức kí kết hợp tác theo kế hoạch - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác
Tháng 5/2027	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Chung kết SVNCKH và STKN - Nghiệm thu SKKN năm học 2026-2027 - Tổ chức các hội thảo hội nghị theo kế hoạch * Hoạt động hợp tác phát triển - Tổ chức kí kết hợp tác theo kế hoạch - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác
Tháng 6/2027	* Hoạt động Khoa học và Công nghệ - Tổng kết KHCN năm học 2026-2027; xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN, khen thưởng KHCN, tính chỉ số KHCN năm học 2026-2027. - Kiểm tra tiến độ biên soạn GT,TKTK, đề tài nhiệm vụ KHCN đợt 1 năm 2027 - Nộp SKKN cấp thành phố đợt 2/2027 - Tổ chức các hội thảo hội nghị theo kế hoạch * Hoạt động hợp tác phát triển - Tổ chức kí kết hợp tác theo kế hoạch - Tổ chức đoàn ra, đoàn vào theo kế hoạch - Theo dõi, giám sát các hoạt động hợp tác khác

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Phòng QLKHCN và HTPT

- Tham mưu cho Nhà trường các vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ và hợp tác phát triển
- Trên cơ sở chỉ tiêu, mục tiêu đã xác định, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch, đăng ký các chỉ tiêu, nhiệm vụ khoa học công nghệ, hợp tác phát triển năm học 2026-2027.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN và HTPT năm học 2026-2027; Triển khai thực hiện kế hoạch.

5.2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Phối hợp với Phòng KHCN&HTPT cùng các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch tài chính cho hoạt động KHCN và HTPT năm học 2026-2027.
- Tham mưu thực hiện công tác tài chính trong lĩnh vực khoa học công nghệ và hợp tác phát triển
- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện hồ sơ tài chính với các nhiệm vụ khoa học công nghệ.

5.3. Các đơn vị thuộc/ trực thuộc

- Xây dựng KPI, Kế hoạch KHCN và HTPT năm học 2026-2027 của đơn vị bám sát các định hướng trọng tâm của Nhà trường
- Đăng ký các nhiệm vụ khoa học công nghệ và triển khai các hoạt động theo kế hoạch.
- Thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu về khoa học công nghệ và hợp tác phát triển được phê duyệt; phối hợp giám sát, đôn đốc các nhiệm vụ KHCN do cán bộ, giảng viên, người lao động thuộc đơn vị mình phụ trách.
- Đẩy mạnh hoạt động NCKH và ĐMST của người học.

5.4. Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên

Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và các đơn vị chức năng khác: Tùy theo chức năng và nhiệm vụ có trách nhiệm thúc đẩy phong trào NCKH của sinh viên và tổ chức hội nghị NCKH sinh viên định kỳ và khi được yêu cầu; Đề xuất các nhiệm vụ NCKH của sinh viên (các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường & Biển đảo; Các hoạt động Khởi nghiệp sáng tạo, Sở hữu trí tuệ, vv..).

5.5. Cán bộ, giảng viên, người lao động

- Tham gia đăng ký và thực hiện các nhiệm vụ KHCN theo đúng kế hoạch đã triển khai, đảm bảo đủ giờ NCKH theo quy định
- Nâng cao ý thức và trách nhiệm tham gia các hoạt động NCKH
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tự giác trong việc báo cáo thông tin các hoạt động KHCN của cá nhân phục vụ công tác tổng hợp số liệu thống kê năm học; Chấp

hành nghiêm túc các quy định hiện hành về hoạt động KH-CN và chịu trách nhiệm đối với các nhiệm vụ được đảm nhận.

Đề nghị lãnh đạo các đơn vị triển khai tới cán bộ, giảng viên và sinh viên để thực hiện định hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác khoa học công nghệ và hợp tác phát triển năm học 2026-2027. Các đơn vị phản ánh các vướng mắc và phát sinh về phòng QLKH-CN&HTPT để kịp thời giải quyết.

Nơi nhận:

- Đảng ủy;
- Hiệu trưởng;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị thuộc/trực thuộc;
- Công đoàn; Đoàn TN; Hội SV;
- Lưu: VT, QLKH-CN&HTPT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Anh Tuấn

PHỤ LỤC
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2027
(Kèm theo Công văn số 4194/BKHCN-KHTC ngày 16/6/2026 của Bộ KHCN)

1. Định hướng chung

- Tập trung nguồn lực phát triển các lĩnh vực khoa học công nghệ ưu tiên, công nghệ chiến lược, mũi nhọn. Xác định và tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các lĩnh vực công nghệ nền tảng, công nghệ của tương lai, có tiềm năng tạo bứt phá và lợi thế cạnh tranh quốc gia như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ bán dẫn, công nghệ y sinh, năng lượng mới (Hydrogen), vật liệu mới, sản xuất thông minh, công nghệ môi trường, an ninh mạng, công nghệ vũ trụ...

- KH, CN, ĐMST & CDS cần hướng đến kết quả cuối cùng là nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Với mục tiêu tăng trưởng 2 con số cho giai đoạn tới bắt đầu từ năm 2026, để đạt được mục tiêu này KH, CN, ĐMST & CDS cần phải được xác định là động lực chính đóng góp cho sự phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả các tổ chức KH & CN công lập, các trung tâm đổi mới sáng tạo là đơn vị công lập, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo là đơn vị công lập để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các tổ chức KH & CN mạnh, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp quốc gia. Có cơ chế, chính sách đột phá, đặc thù, đủ sức cạnh tranh để thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài khoa học công nghệ trong nước và quốc tế, đặc biệt là các chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

- Phát triển mạnh mẽ hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia. Thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp; liên kết "3 nhà": Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư cho hoạt động đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Hỗ trợ phát triển thị trường khoa học công nghệ, các tổ chức trung gian, hạ tầng, mạng lưới đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

- Phát triển hạ tầng KH & CN và hạ tầng số hiện đại, đồng bộ. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc "hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí"; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu. Đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, các trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đo lường, thử nghiệm, kiểm định chất lượng theo chuẩn mực quốc tế; phát triển các hạ tầng nghiên cứu dùng chung hiệu quả.

- Phát triển Chính phủ số có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế lại và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số nhanh và bền vững, trở thành ngành công nghiệp nền tảng, động lực phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; với trọng tâm là chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang làm chủ công nghệ, nghiên cứu, thiết kế và sản xuất các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Make in Viet Nam. Đưa Việt Nam tham gia ngày càng sâu và có giá trị trong

chuỗi sản xuất ngành công nghiệp công nghệ số toàn cầu, đặc biệt là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, blockchain.

- Định hướng mở để người dân, doanh nghiệp và tổ chức tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để cùng tăng cường minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội.

- Nền tảng là giải pháp đột phá. Kết hợp mô hình triển khai tập trung và phân tán, tuân thủ Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung Kiến trúc số của các cơ quan. Phát triển các nền tảng theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ, thông suốt các cấp hành chính để có thể sử dụng tại mọi nơi.

2. Định hướng theo các ngành, lĩnh vực

2.1. Khoa học, công nghệ:

2.1.1. Nghiên cứu cơ bản; Nghiên cứu xã hội, nhân văn

Nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên: trong lĩnh vực toán học, vật lý, hoá học, khoa học sự sống, khoa học trái đất và khoa học biển, khoa học máy tính.

- Các nghiên cứu cơ bản phục vụ phát triển công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, công nghệ số.

- Các nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, các giải pháp ứng phó, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng.

Nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn:

- Cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định, hoàn thiện và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nâng cao năng lực quản trị quốc gia hiện đại và chính quyền hai cấp.

- Nghiên cứu các mô hình tăng trưởng mới, các động lực phát triển kinh tế trong bối cảnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và tái cấu trúc chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên các nghiên cứu về kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao năng suất lao động, qua đó tạo nền tảng khoa học cho mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Nghiên cứu hoàn thiện thể chế và chính sách phát triển kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập và tự chủ. Đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển khu vực kinh tế tư nhân, thúc đẩy liên kết vùng, huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Các nghiên cứu cần hướng tới xây dựng cơ chế, chính sách đột phá nhằm tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

- Cung cấp luận cứ khoa học và khuyến nghị chính sách cho xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam, phát triển bền vững vùng dân tộc, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo và nâng cao hiệu quả đối ngoại toàn diện trong bối cảnh mới.

Ưu tiên các chương trình, cụm nhiệm vụ, nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao; nghiên cứu liên ngành giữa khoa học tự nhiên với khoa học xã hội và nhân văn.

Các nghiên cứu cần bám sát định hướng “Phát triển các lĩnh vực KH&CN làm nền tảng cho ĐMST” tại khoản 2 Mục III Quyết định 604/QĐ-TTg ngày 02/4/2026 (điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030)

2.1.2. Định hướng nghiên cứu trọng tâm theo từng lĩnh vực:

(1) *Lĩnh vực Y tế* - Tập trung vào việc tiếp cận các công nghệ y sinh hiện đại và cá thể hóa điều trị. Các hướng nghiên cứu cụ thể bao gồm:

- Y sinh tiên tiến: Nghiên cứu và phát triển các loại vắc-xin, công nghệ tế bào và đặc biệt chú trọng vào công nghệ chỉnh sửa gen.

- Y học hiện đại: Xây dựng và phát triển các mô hình y học chính xác và y học cá thể hóa nhằm tối ưu hóa hiệu quả điều trị cho từng bệnh nhân.

- Dược phẩm và chẩn đoán: Nghiên cứu sản xuất thuốc sinh học thế hệ mới, các chế phẩm phục vụ xét nghiệm, chẩn đoán; đồng thời đẩy mạnh kỹ thuật bào chế dược liệu tiên tiến.

(2) *Lĩnh vực Năng lượng* - Hướng tới mục tiêu bền vững và đạt hiệu suất cao trong hệ thống năng lượng quốc gia:

- Lưu trữ năng lượng: Tập trung nghiên cứu và làm chủ công nghệ sản xuất pin thế hệ mới.

- Hiệu quả sử dụng: Phát triển các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu suất thiết bị và thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và tiêu dùng.

(3) *Lĩnh vực Nông nghiệp* - Phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua các trụ cột chính:

- Công nghệ sinh học nông nghiệp và công nghệ giống:

+ Nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng cao; khả năng chống chịu tốt với điều kiện bất lợi, dịch bệnh và biến đổi khí hậu.

+ Ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh trong chọn tạo và sản xuất giống.

+ Xây dựng và khai thác “ngân hàng gen”, nền tảng dữ liệu sinh học phục vụ nghiên cứu và sản xuất.

+ Ưu tiên phát triển giống chủ lực quốc gia, giống đặc sản vùng miền, giống phục vụ xuất khẩu và thích ứng điều kiện sinh thái đặc thù.

- Nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp thông minh:

+ Làm chủ và ứng dụng các công nghệ: tự động hóa, cảm biến, IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ nhà kính/nhà màng, canh tác chính xác.

+ Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số, nông nghiệp tuần hoàn.

+ Ưu tiên giải pháp công nghệ tích hợp nhằm tối ưu quy trình sản xuất, giảm chi phí đầu vào, tiết kiệm tài nguyên, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng truy xuất nguồn gốc.

+ Đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, khu nông nghiệp công nghệ cao, cơ sở thử nghiệm - trình diễn; hình thành hạ tầng nghiên cứu và ứng dụng dùng chung.

- Công nghệ sau thu hoạch, chế biến và bảo quản nông sản:

+ Phát triển công nghệ bảo quản, chế biến sâu; ứng dụng công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu trong bảo quản nông sản.

+ Giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng, kéo dài thời gian bảo quản và gia tăng giá trị sản phẩm.

+ Gắn nghiên cứu với sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn và hệ thống truy xuất nguồn gốc phục vụ xuất khẩu.

+ Ưu tiên các sản phẩm chế biến giá trị cao, đáp ứng tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

- Công nghệ môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững:

+ Ứng dụng công nghệ xử lý chất thải nông nghiệp, tái sử dụng phụ phẩm.

+ Phát triển phân bón sinh học, chế phẩm sinh học.

+ Thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải, góp phần thực hiện cam kết phát thải ròng bằng “0”.

+ Bảo đảm an ninh nguồn nước và các giải pháp xử lý môi trường nông thôn.

- Công nghệ phục vụ quản lý, giám sát và phát triển chuỗi giá trị:

+ Ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo trong quản lý sản xuất, dự báo thị trường.

+ Phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng và quản trị chuỗi giá trị nông sản.

+ Tăng cường liên kết giữa nghiên cứu – doanh nghiệp – địa phương trong toàn bộ chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

- Một số nhiệm vụ hỗ trợ trọng yếu:

+ Phát triển vắc-xin, chế phẩm thú y và công nghệ chẩn đoán bệnh trên động vật nhằm bảo vệ sản xuất.

+ Đẩy mạnh chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực xuất khẩu.

(4) Khoa học và Công nghệ Vũ trụ - Chuyển dịch từ nghiên cứu thuần túy sang vận hành và khai thác hiệu quả hạ tầng không gian:

- Công nghệ vệ tinh cỡ nhỏ: Thiết kế, chế tạo và vận hành các vệ tinh nano và micro; tiến tới hình thành chùm vệ tinh quỹ đạo thấp (LEO) để cung cấp dữ liệu liên tục, độ phân giải cao.

- Hạ tầng dữ liệu không gian: Thiết lập hạ tầng dữ liệu vũ trụ quốc gia đồng bộ; ứng dụng AI để tự động hóa việc phân tích và giám sát biến động bề mặt Trái Đất theo thời gian thực.

- Nội địa hóa trạm mặt đất: Làm chủ các hệ thống thu phát tín hiệu, thiết bị điều khiển và phần mềm vận hành vệ tinh nhằm đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

(5) Lĩnh vực Giao thông vận tải và Xây dựng - Thực hiện theo nguyên tắc gắn chặt với thực tiễn và lấy mức độ làm chủ công nghệ làm thước đo:

- Hạ tầng giao thông chiến lược: Nội địa hóa các công nghệ then chốt cho đường sắt tốc độ cao, đường bộ cao tốc, cảng biển nước sâu và cảng hàng không.

- Vật liệu xây dựng tiên tiến: Nghiên cứu bê tông hiệu năng siêu cao, vật liệu chống ăn mòn môi trường biển, vật liệu tái chế từ rác thải công nghiệp và vật liệu thông minh tự phục hồi.

- Công nghệ thi công hiện đại: Đẩy mạnh ứng dụng in 3D bê tông, thi công lắp ghép quy mô lớn, sử dụng robot, UAV và công nghệ quét số để giám sát chất lượng công trình.

- Đô thị thông minh và hạ tầng số: Phát triển mô hình “thành phố bọt biển”, hệ thống thoát nước thông minh; triển khai rộng rãi Mô hình thông tin công trình (BIM) và Bản sao số (Digital Twin) cho các hạ tầng trọng điểm.

- Công trình biển: Làm chủ công nghệ thiết kế và thi công kết cấu cho điện gió ngoài khơi, hạ tầng dầu khí và các giải pháp chống xói lở bờ biển.

Lưu ý chung:

1. Các nhiệm vụ trong các lĩnh vực cần được tổ chức theo cụm, chuỗi nhiệm vụ để giải quyết các bài toán lớn, xác định rõ kết quả hình thành cuối cùng (như nhà máy, hệ thống số, giống chủ lực) và đóng góp cụ thể vào chỉ tiêu phát triển ngành.

2. Căn cứ vào tính chất, bản chất của hoạt động, mục đích của việc đưa nhiệm vụ vào triển khai thực hiện, kết quả tạo ra để phân định các nhiệm vụ KH&CN, nhiệm vụ ĐMST có sự giao thoa, tương đồng về một số hoạt động trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ như sau:

- Nhiệm vụ có hoạt động sản xuất thử tại quy mô phòng thí nghiệm hoặc ở quy mô nhỏ tại môi trường thực tế, tạo ra sản phẩm có thể ứng dụng, sử dụng được ngay hoặc có thể bán được ngay nhưng mục tiêu chính của việc triển khai nhiệm vụ với các sản phẩm tạo ra đó chỉ để nhằm kiểm chứng, thử nghiệm lại kết quả nghiên cứu, quy trình công nghệ đã tạo ra thì xác định là thuộc nhiệm vụ KH&CN.

- Nhiệm vụ có một số hoạt động về nghiên cứu, hoàn thiện về công nghệ trong quá trình triển khai nhưng mục tiêu chính là triển khai công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh tạo ra sản phẩm mới hoặc cải tiến sản phẩm, quy trình thì xác định là thuộc nhiệm vụ ĐMST.

2.2. Đổi mới sáng tạo

Nội dung đổi mới sáng tạo năm 2027 tập trung vào các nhiệm vụ, hoạt động sau:

(1) *Ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo*: Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thực hiện ứng dụng, chuyển giao, làm chủ, hấp thụ, cải tiến và đổi mới công nghệ; triển khai hoạt động nghiên cứu và phát triển, hoàn thiện quy trình, dây chuyền sản xuất, sản xuất thử nghiệm và sản xuất thương mại để tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình hoặc mô hình kinh doanh mới, hoặc có cải tiến đáng kể so với hiện có nhằm nâng cao hiệu suất, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế - xã hội.

(2) *Phát triển quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng*:

- Hỗ trợ tạo ra, đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và phát triển quyền sở hữu trí tuệ ở trong và ngoài nước; hỗ trợ định giá, thẩm định giá, thúc đẩy khai thác thương mại quyền sở hữu trí tuệ gắn với sản phẩm, hàng hóa và thị trường; tăng cường bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý và công cụ cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đào tạo, tư vấn và phát triển nguồn nhân lực về năng suất, chất lượng; nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia theo hướng hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.

(3) *Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo*: cung cấp nguồn lực, dịch vụ hỗ trợ, ươm tạo ý tưởng, dự án, tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất dùng chung hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; đào tạo, nâng cao năng lực, phát triển nguồn nhân lực; phát triển thị trường vốn và đầu tư mạo hiểm; thu hút nguồn lực cho khởi nghiệp sáng tạo quốc gia; phát triển các nền tảng, công cụ, trợ lý trí tuệ nhân tạo hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.

(4) *Thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo thông qua hỗ trợ lãi suất vay và thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher)*

(5) *Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo*: Hình thành và vận hành các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các chủ thể trong hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, quốc tế; tổ chức các sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế; tổ chức các hội thảo, hội nghị, sự kiện, hoạt động trình diễn, giới thiệu công nghệ; tôn vinh, khen thưởng tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tiêu biểu.

(6) *Phát triển thị trường khoa học và công nghệ*: Tăng cường đầu tư xây dựng, vận hành các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, sàn giao dịch khoa học và công nghệ; hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; phát triển và kết nối nguồn cung, nguồn cầu công nghệ, xây dựng, phát triển mạng lưới chuyên gia, kết nối cơ sở dữ liệu chuyên gia, công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; thúc đẩy hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, môi giới, tư vấn, định giá, chuyển giao công nghệ; các sự kiện công bố, trình diễn, giới thiệu, xúc tiến thương mại công nghệ.

Việc bố trí ngân sách nhà nước cho đổi mới sáng tạo cần ưu tiên các nhiệm vụ, hoạt động do doanh nghiệp đề xuất, có sản phẩm đầu ra cụ thể, khả năng thương mại và đóng góp trực tiếp cho tăng trưởng kinh tế - xã hội.

2.3. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia hiện đại, đồng bộ về tiêu chuẩn, đo lường, đánh giá sự phù hợp, công nhận, mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc, phù hợp với thông lệ quốc tế; thúc đẩy chuyên đổi số và phát triển hạ tầng dữ liệu ngành phục vụ quản lý, giám sát, hậu kiểm và cung cấp dịch vụ công; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và tham gia chuỗi cung ứng.

2.4. Chuyển đổi số

- Kế hoạch phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch năm 2026, kế hoạch của bộ, ngành, địa phương triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; bám sát quan điểm, định hướng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan; quyết tâm hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra tại các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; các Chương trình, kế hoạch của bộ, ngành, địa phương về phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số; người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng những thành quả do chuyển đổi số mang lại theo tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Chuyển đổi số phải được triển khai đồng bộ trên cả ba trụ cột Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, lấy dữ liệu là tài nguyên quan trọng, tư liệu sản xuất mới, lấy hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và công nghệ số làm nền tảng; gắn chặt với đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản trị, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng cuộc sống của người dân.

- Ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của bộ, ngành, địa phương; không đầu tư xây dựng mới các hệ thống, nền tảng có chức năng tương tự khi đã có nền tảng dùng chung phù hợp; bảo đảm các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua API mở, tuân thủ Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và chủ quyền số quốc gia.

- Thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, Kế hoạch, Kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số, các phiên họp toàn thể, chuyên đề của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

- Các chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch đặt ra phải thiết thực, bám sát thực tiễn, điều kiện thực tế, có tính đột phá; các mục tiêu cần rõ ràng, định lượng, có tính khả thi, rõ phương pháp đánh giá, đo lường kết quả; gắn liền với thực hiện mục tiêu theo kế hoạch của bộ, ngành, địa phương triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và các Chương trình của quốc gia về phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Đảm bảo đầy đủ, toàn diện các chỉ tiêu thực hiện các nhóm nội dung chuyển đổi số đã được xác định, ...

- Nhiệm vụ, giải pháp kế hoạch phải gắn liền với thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu; gắn liền với bố trí nguồn lực thực thi phù hợp; bám sát thực tiễn, bám sát các quan điểm, định hướng và nhiệm vụ giải pháp trọng tâm chuyển đổi số, có tính đột phá, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn tiếp theo công tác tổ chức triển khai, phân công nhiệm vụ chuyển đổi số phải cụ thể, rõ việc, rõ trách nhiệm; phải đảm bảo phù hợp Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số.

Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2027

(1) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

Tập trung các hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo), các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan thường trực để tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phải xác định cụ thể nội dung, thời hạn, yêu cầu kết quả; thời gian, số lượng các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể; xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ; nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát cụ thể, hiệu quả, thực chất.

(2) Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật của ngành, lĩnh vực, địa phương thúc đẩy chuyển đổi số.

- Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực tại các bộ, ngành, địa phương như chính sách phát triển, thu hút nhân lực, tuyển dụng, xét nâng lương, nâng ngạch đội ngũ cán bộ làm chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập,...

- Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các HTTT, CSDL (nhất là các CSDL quốc gia, các CSDL ngành) do các bộ, ngành, địa phương quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

(3) Hạ tầng số

Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc hạ tầng số phải được ưu tiên đầu tư, hiện đại hóa và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phục vụ Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số Việt Nam thời kỳ 2025- 2030, bao gồm:

- Xây dựng, rà soát bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2030 của địa phương phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế.

- Hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet, trạm cập bờ kết nối quốc tế...).

- Tổ chức làm việc, xác định kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông, hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông tại địa phương từ đó triển khai các biện pháp hỗ trợ bao gồm: xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị của tỉnh, thành phố, của các ngành kinh tế để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác;

- Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần, chính quyền thành phố, y tế và giáo dục, trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng;

- Ưu tiên khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng số dùng chung cấp quốc gia (Mạng truyền số liệu chuyên dùng, Trung tâm dữ liệu quốc gia ...);

- Tổ chức triển khai các mạng diện rộng của bộ, ngành, địa phương sử dụng hạ tầng kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng;

- Ban hành danh mục ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng; thúc đẩy triển khai các ứng dụng, nền tảng dùng chung trên mạng truyền số liệu chuyên dùng.

(4) Nhân lực số

- Duy trì, tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính phủ số, kinh tế số, an ninh mạng cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; về an ninh mạng; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an ninh mạng,...

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình và tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu vùng xa và với nhóm người cao tuổi.

(5) Phát triển dữ liệu số

- Tập trung tạo lập, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu số trong các cơ quan nhà nước; thúc đẩy mở dữ liệu, tái sử dụng dữ liệu, sử dụng dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, xây dựng chính sách, cung cấp dịch vụ công và phát triển các dịch vụ, mô hình hoạt động mới; từng bước hình thành và phát triển kinh tế dữ liệu.

- Xác định đầy đủ các nội dung về nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; các Văn bản hướng dẫn liên quan của Bộ Công an;

(6) An ninh mạng

- Xác định đầy đủ các nội dung nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo an ninh mạng theo quy định tại Văn bản pháp luật hiện hành; Văn bản hướng dẫn liên quan của Bộ Công an. Trong đó, chú trọng đảm bảo an ninh mạng cho các HTTT, CSDL (nhất là các CSDL quốc gia, các CSDL ngành) do các bộ, ngành, địa phương quản lý, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Chú trọng bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu; bảo vệ dữ liệu cá nhân; phòng, chống lừa đảo trực tuyến, giả mạo, phát tán thông tin xấu độc, sai sự thật trên môi trường số; nâng cao năng lực tự bảo vệ, khả năng nhận diện rủi ro số cho người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức.

(7) Chính phủ số

Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xác định mục tiêu phù hợp với điều kiện thực tiễn các bộ, ngành, địa phương, bám sát Chương trình phát triển Chính phủ số đã được phê duyệt tại Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025.

- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số:

- Xác định đầy đủ các nội dung về nhiệm vụ, giải pháp quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng; Văn bản số 1876/BKHCN-CĐSQG ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xác định hạ tầng số, phần mềm, ứng dụng dùng chung (cấp trung ương, tỉnh xã) để tránh đầu tư trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; Văn bản số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc;...

Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của CBCS:

Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo Công văn số 557/BKHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn một số nguyên tắc chung đối với công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn (chatbot AI) phục vụ công việc.

(8) Kinh tế số và xã hội số

- Xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng bộ, ngành, địa phương, bám sát các chương trình, chiến lược quốc gia đã được phê duyệt.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng nền tảng số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số để nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.

- Đẩy mạnh phát triển thanh toán số, giao dịch số an toàn; mở rộng cung cấp và sử dụng các dịch vụ số thiết yếu trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, tài chính, thương mại, giao thông, nông nghiệp và an sinh xã hội.

- Phổ cập kỹ năng số cho người dân; thúc đẩy sử dụng danh tính số, tài khoản số, chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân; hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số an toàn, thuận tiện, nhất là tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và đối với các nhóm yếu thế, bảo đảm tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau.

(9) Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, đảm bảo an ninh mạng

- Triển khai, cụ thể hóa các nội dung tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số thành các chương trình, kế hoạch, chiến dịch (thường xuyên, định kỳ, theo sự kiện, tuần lễ, ngày chuyển đổi số) với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế (cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện, nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp; lồng ghép với các hoạt động của các ngành, lĩnh vực...) để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của địa phương; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết CCHC với chuyển đổi số;... để các cơ quan, tổ chức, CBCC, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân,...

- Triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá, bảo đảm an ninh mạng định kỳ, thường xuyên cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ Công an.

Ngoài các nội dung nêu trên, căn cứ các chương trình, kế hoạch, đề án của quốc gia; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số; các nghị quyết, kế hoạch của Trung ương; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương xác định các nhiệm vụ triển khai năm 2027 đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, khả thi.

2.5. Hợp tác quốc tế

Năm 2027, hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được triển khai theo hướng chủ động, thực chất và hiệu quả, gắn với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Tiếp tục củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống, đồng thời mở rộng hợp tác với các quốc gia, tổ chức có tiềm lực mạnh về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến lược và công nghệ cao.

- Đẩy mạnh tham gia các cơ chế hợp tác đa phương; nâng cao năng lực đề xuất sáng kiến, tham gia xây dựng chính sách, tiêu chuẩn và quy tắc quốc tế; tăng cường phối hợp liên ngành và vận động sự ủng hộ của các đối tác quốc tế đối với các lợi ích quốc gia.

- Tập trung thu hút, chuyển giao, làm chủ công nghệ nguồn; thúc đẩy các mô hình nghiên cứu chung, phòng thí nghiệm liên kết, trung tâm đổi mới sáng tạo và kết nối hệ sinh thái đổi mới sáng tạo với các đối tác quốc tế. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiếp cận công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả mạng lưới đại diện khoa học công nghệ, chuyên gia và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài; tăng cường kết nối, trao đổi học thuật và hợp tác nghiên cứu nhằm thúc đẩy chuyển giao tri thức, công nghệ và kinh nghiệm quản trị.

- Đồng thời, nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong tham gia định hình các tiêu chuẩn, quy tắc và cơ chế quản trị quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; từng bước chuyển từ tham gia sang chủ động đề xuất, đóng góp và dẫn dắt ở một số lĩnh vực có thế mạnh.

3. Công tác quy hoạch, triển khai cơ chế tự chủ, trọng dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực KH&CN

- Tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ công tác quy hoạch, sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo định hướng đã được xác lập tại Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch của Bộ. Trọng tâm là tiếp tục rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng tổ chức và hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; thực hiện sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối hợp lý, bảo đảm cơ cấu theo lĩnh vực chuyên môn, có trọng tâm,

trọng điểm; tập trung nguồn lực cho các tổ chức nghiên cứu mạnh, có năng lực thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy mô lớn, công nghệ chiến lược, gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục triển khai hoàn thiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; trong đó tập trung vào việc giao quyền tự chủ cao hơn về tài chính, thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và hợp tác quốc tế, gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động, đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ công lập với doanh nghiệp, tổ chức tư nhân. Đồng thời, tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách bảo đảm điều kiện thực hiện tự chủ phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ về phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách đối với nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của Luật; đồng thời đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và yêu cầu thực tiễn. Tiếp tục ưu tiên phát triển đội ngũ nhân lực nghiên cứu có trình độ cao, nhân lực trẻ tài năng, chuyên gia đầu ngành; nâng cao năng lực quản trị, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.